

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11.52
Group 68
Round 8
Date 23.7.26 Board 1

WHITE <i>Sinastha Singh</i>				FED IND		23.7.28 RESULT (W) 1		
BLACK <i>Zheng Jia Tian</i>				FED CHN		RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	cxd7	Rb8	41	Rxe2	h4
2	c4	g6	22	Rd1	Kg7	42	Qf8	Kg6
3	Nc3	d5	23	Qe4	Bd6	43	Rc6+	kg6
4	cxd5	Nxd5	24	Qd4	h5	44	Qf6+	Kd5
5	e4	Nxc3	25	Qd4+	Qe5	45	QR5#	
6	bxc3	Bg7	26	Qe4	Bd6	46		
7	Nf3	e5	27	f4	Kb7	47		
8	Bb5+	Nc6	28	f5	Qxf5	48		
9	00	00	29	Qxf5	gxf5	49		
10	Be3	Bg4	30	Rb1	Rb8	50		
11	Bxc6	bxc6	31	Ba7	Bb6	51		
12	e5	cxd4	32	Bxb8	Rxb8	52		
13	cxd4	e5	33	a4	e5	53		
14	dxc5	Bxf3	34	a5	e4	54		
15	Qxf3	Be5	35	a6	e3	55		
16	Rd1	Qc2	36	a7	Rb7	56		
17	h3	Rd3	37	Rb7	e2	57		
18	Rb1	Rb8	38	Rf7+	Kg6	58		
19	06	Qa5	39	Re7	f4	59		
20	Bb7	Rxb7	40	Qe8	Kf6	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
				<i>Zheng Jia Tian</i>		<i>1.</i>		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



11.32
Group 68
Round 8
Date 23.7.26 Board 1

WHITE			IND			RESULT (W)		
BLACK			CHN			RESULT (B)		
Sinastha Singh						0		
Zhang Jia Tian								
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	c6	Rb8	41	Rd2	L4
2	c4	g6	22	Rc1	Kg7	42	g4g	Kd6
3	Nc3	d5	23	Qe4	Bd6	43	Rd6	Kd6
4	cd	Nf5	24	cxd4	h5	44	g4g	Kd6
5	e4	Nc3	25	Qd4	Be5	45	g4g	
6	bc	Bd7	26	Be4	Rd6	46		
7	Nf3	e5	27	f4	Rd7	47		
8	Bb5	Nc6	28	f5	Qd5	48		
9	O-O	O-O	29	Qd5	g4	49		
10	Bd3	Bd4	30	Rd4	Rd6	50		
11	Bd6	bc	31	Bd7	Rd6	51		
12	0-0	cd	32	Rd8	Rd6	52		
13	cd	e5	33	0-0	e5	53		
14	dc	Rb3	34	0-0	0-0	54		
15	Qd3	Be5	35	e6	e3	55		
16	Rd1	Qc7	36	a7	Rd7	56		
17	h3	Rd8	37	Rd7	e2	57		
18	Rb1	Rd8	38	Rd7	Kd6	58		
19	c6	Qd5	39	Rd7	f4	59		
20	Rd7	Rd7	40	0-0	Kf6	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23 Board 2

WHITE Gasanova Aiat				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK 姚静雅				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	gh	gh	41					
2	Nf3	Nc6	22	ag3	Kh8	42					
3	d4	cd	23	Rh1	h6	43					
4	Nxd4	Nf6	24	Bxh6	ef	44					
5	Nc3	g6	25	ag6	Re5	45					
6	Be3	Bg7	26	Nc4	Rxd5	46					
7	Bc4	db	27	Qxh5	Kg8	47					
8	Bxb3	o-o	28	ed	Na3+	48					
9	f3	Nd7	29	bc	Qb5+	49					
10	Qd2	Nc5	30	Ka1	Rc7	50					
11	o-o	Nxb3+	31	Nxg7	Kf8	51					
12	Nxb3	bb	32	Ne6+	Ke7	52					
13	Nb4	Ne5	33	Rg7#		53					
14	Qe2	a5	34			54					
15	h4	Bab	35			55					
16	Qf2	h5	36			56					
17	Nd5	Rc8	37			57					
18	Kb1	Nc4	38			58					
19	Ba95	Re8	39			59					
20	g4	ad7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				姚静雅							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23 Board 2

WHITE Gasanova Aiat				FED RUS				RESULT (W) 1			
BLACK 姚静雅				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E4	c5	21	gh	gh	41					
2	Nf3	Nc6	22	ag3	Kh8	42					
3	D4	CD	23	Rh1	f6	43					
4	Nd4	Nf6	24	Bxh6	ef	44					
5	Nc3	g6	25	ag6	Re5	45					
6	Be3	Bg7	26	Nc4	Rd5	46					
7	Bc4	D6	27	Qxh5	kg8	47					
8	Bb3	o-o	28	ed	Na3+	48					
9	f3	Nd7	29	bc	Qb5+	49					
10	Qd2	Nc5	30	Ka1	Rc7	50					
11	o-o	Nb3	31	Nxg7	Kf8	51					
12	Nb3	bb	32	Ne6+	Ke7	52					
13	ND4	Nc5	33	Rg7#		53					
14	Qe2	a5	34			54					
15	h4	Ba6	35			55					
16	Qf2	h5	36			56					
17	Nd5	Rc8	37			57					
18	Kb1	Nc4	38			58					
19	Bg5	Re8	39			59					
20	g4	ad7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				姚静雅							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G8
Round	8
Date	23/17/2026
Board	3

WHITE				BLACK			
Zhu Xianshao				Vo Lan Khue			
FED 1629				FED 1507			
RESULT (W) 1/2				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	c4	Mf6	21	Mc455	Mc455	41	xh7
2	Mf3	c6	22	dc455	Tb71.06	42	xTh3
3	g3	d5	23	Md253	Md21.06	43	Xh7
4	b3	g6	24	xe153	Mb61.05	44	xh3
5	Tg2	Tg7	25	Hd351	Te81.05	45	Lh7
6	Tb21.23	O-O1.30	26	Rxf50	He71.04	46	Hh5
7	O-O1.21	Mb61.30	27	F445	Tg71.03	47	ve21.01
8	d31.19	xMb61.30	28	F545	g51.03	48	tc1
9	Mb62.14	e51.30	29	e444	Tb71.02	49	
10	e41.15	h41.29	30	xf244	F61.01	50	
11	b41.14	a51.28	31	h343	Hd61.01	51	
12	d31.13	Tf81.27	32	Tf343	vf71.01	52	
13	Hb31.09	He71.25	33	xh243	Xb81.01	53	
14	c51.08	b61.22	34	xf243	ve71.01	54	
15	rg51.01	xe71.20	35	xah43	va71.58	55	
16	xf21.10	h61.19	36	h443	Me71.57	56	
17	c661.00	a51.13	37	Te243	ve71.52	57	
18	Mg51.09	xe71.10	38	Hf343	Hf71.51	58	
19	b557	a41.07	39	Td343	h95	59	
20	He21.56	c51.07	40	h95	h95	60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
[Signature]				[Signature]			
SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group	G8
Round	8
Date	23/17/2026
Board	3

WHITE				BLACK			
Zhu Xianshao				Vo Lan Khue			
FED CHN				FED VIE			
RESULT (W) 1/2				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	ch	nh6	21	Nh4	Nh4	41	kh7
2	Mh3	ch	22	h	Rh7	42	Rh3
3	g3	dh5	23	Nh2	Mh7	43	Rh7
4	b3	g6	24	Rh1	Nh6	44	qh3
5	Bh2	Bh7	25	Qh2	Bh8	45	qh7
6	dh2	O-O	26	Rh1	Qh1	46	qh5
7	O-O	Nh6	27	h	Bh7	47	ke2
8	dh3	Re8	28	h	g5	48	
9	Nh2	g5	29	g4	Bh7	49	
10	dh	dh	30	Rh2	h	50	
11	h4	g5	31	h3	dh6	51	
12	dh	Bh8	32	Bh3	kh1	52	
13	dh3	Qh7	33	Rh2	Rh8	53	
14	cs	h6	34	kh2	ke7	54	
15	Nh5	Re7	35	Reh1	ke7	55	
16	Rh1	h6	36	h4	Qh7	56	
17	ch	Nh6	37	Bh2	ke7	57	
18	Mh3	Rh8	38	Qh3	Qh7	58	
19	b5	dh	39	Bh3	Qh7	59	
20	Qh2	cs	40	h9	h9	60	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)			
[Signature]				[Signature]			
SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]			

● 死 亡 地 区

Group	28
Round	8
Board	4

WHITE				BLACK				FED				RESULT (O) 1					
BLACK				WHITE				FED				RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	d5	21	nc6	bd6	41	bd4	qc7	41	bd4	qc7	41	bd4	qc7			
2	c4	d4	22	Ac1	Nc5	42	be5	qe7	42	be5	qe7	42	be5	qe7			
3	e3	NR6	23	AB5	Ah5	43	b4	g5	43	b4	g5	43	b4	g5			
4	bc4	NCa6	24	rc5	bc5	44	qg3	h6	44	qg3	h6	44	qg3	h6			
5	NC3	be7	25	dc5	c6	45	bd4	hf8	45	bd4	hf8	45	bd4	hf8			
6	bf3	o-o	26	q65	g6	46	be5	f4	46	be5	f4	46	be5	f4			
7	o-o	Nd7	27	qg5	hf7	47	e5	he8	47	e5	he8	47	e5	he8			
8	b3	b6	28	h3	qe7	48	b86	hf8	48	b86	hf8	48	b86	hf8			
9	b62	b62	29	qg3	qc7	49	b6	qg7	49	b6	qg7	49	b6	qg7			
10	qe2	AK	30	be5	qA5	50	be8	re8	50	be8	re8	50	be8	re8			
11	nc1	b5	31	bc3	b4	51	pg5	qg5	51	pg5	qg5	51	pg5	qg5			
12	bd3	Ng6	32	b62	qc7	52	qg5	hf8	52	qg5	hf8	52	qg5	hf8			
13	nd1	mf6	33	be5	qd7	53	kf1	rc8	53	kf1	rc8	53	kf1	rc8			
14	nd5	ed5	34	qf4	qe8	54	be7	g4	54	be7	g4	54	be7	g4			
15	nc2	nc7	35	bd6	ra8	55	hg4	bd6	55	hg4	bd6	55	hg4	bd6			
16	nc1	Ne4	36	q64	qc8	56	nd8	hA1	56	nd8	hA1	56	nd8	hA1			
17	ne5	f3	37	rb1	nb7	57	nc8	h7	57	nc8	h7	57	nc8	h7			
18	NC6	q d6	38	qf4	hf7	58	re8	nb8	58	re8	nb8	58	re8	nb8			
19	NA5	q66	39	be5	qe8	59	ng7	kg7	59	ng7	kg7	59	ng7	kg7			
20	Nb7	q67	40	df4	qe7	60	b68	kr8	60	b68	kr8	60	b68	kr8			
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (ARBITER)						SIGNATURE (ARBITER)					
Kim												sr					

65

Group	G8
Round	8
Board	

WHITE		BLACK		FED		FED		RESULT (A)	
WHITE		BLACK		FED		FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	d5	21	ay	Kc5	41	g4	g5	
2	c4	clc	22	ab	ab	42	g3	h6	
3	Kf6	eb	23	les	cc5	43	cd4	h8	
4	Cc4	eb	24	dc	c6	44	cb	f4	
5	Kc3	clz	25	g5	g6	45	e1	les	
6	Kf3	oo	26	g5	g7	46	g6	les	
7	oo	h3 Kd7	27	h3	g7	47	cd6	g7	
8	b3	b6	28	g4	g7	48	eb	h8	
9	cb	cb7	29	as	g7	49	g7	les	
10	g2	ab	30	Cc3	dc7	50	g5	h8	
11	Ac1	ab	31	is	g7	51	g7	les	
12	cd3	Kb6	32	as	g8	52	g7	g4	
13	Ad1	Kbd1	33	cd6	les	53	h8	g4	
14	hds	ed	34	g5	g4	54	g5	g6	
15	Ac2	les	35	les	g4	55	les	les	
16	les	Kd4	36	d4	g7	56	les	g7	
17	h5	is	37	g5	g8	57	les	g7	
18	g6	g6	38	g4	g7	58	les	les	
19	h6	g7	39	g4	g7	59	g4	g7	
20	les	h8	40	les	g7	60	cd6	g7	
SIGNATURE (WHITE):			SIGNATURE (BLACK):			SIGNATURE (ARBITER):			
Kim			Kim			sn			

15246

15/46

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **B8**
Round **8**
Date **11/23**
Board **6**

WHITE Azimzadeh, Nikli				FED IRI				RESULT (1) 1/2			
BLACK Fazalichev				FED UZB				RESULT (2) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qxd1	Rd1	41	Rh6	Rm3			
2	d4	d5	22	Kxd1	Rd8+	42	Kg2	Q5			
3	Ne3	dxe4	23	Ke2	Bb6	43	g5	Rd3			
4	Nxe4	Nf6	24	Bd4+	Ka8	44	g6	Ke7			
5	Nf6	exf6	25	Rd5	Rc8	45	f4	Rd6			
6	c3	Bd6	26	b3	Ra8	46	g7	Rd2+			
7	Qc2	Qe7+	27	Kf1	a6	47	Kf3	Kf7			
8	Qc1	Bg4	28	h4	Ba7	48	KxRab	Rm3 Kg7			
9	Ba3	Bxe2	29	Rd7	Bb8	49	Rm3 Rm5	Rd6			
10	Nxe2	Nd7	30	Bb8	f3	50	Rg5+	Kf6			
11	b3	Nb6	31	Rf8	f5	51	Rh5	Kg6			
12	O-O-O	O-O-O	32	Kc8	Ra1	52	Rb5	Rf6			
13	c4	Bc7	33	g6	h5	53	Kg4	Rd6			
14	Rd1	Kb8	34	h4 h4	h4	54	Rg5+	Kf6			
15	Nf4	Qd7	35	h4 h4	Rd8	55	f5	Rd4+			
16	d5	cxd5	36	Rxf7	Rd4	56	Kf5	Rf4			
17	Nxe5	Nxd5	37	Rxf6	Rxb4	57	Rg4	Rm3			
18	Rxd5	Qc8	38	Rxb6	Rxa4	58	Kxg4	Kf7			
19	Rc5	Qd7	39	c6	bxc6	59	Ks5	Kg7			
20	Rd1	Bd1+	40	Rxc6+	Ed7	60	Lt	Kf7			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Fiona				SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G-8**
Round **8**
Date **11/23**
Board **6**

WHITE Nikli, Azimzadeh				FED UZB				RESULT (1) 1/2			
BLACK Li, Fiaz				FED NZL				RESULT (2) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qxd1	Rxd1	41	Rxc6	Kd7			
2	d4	d5	22	Kxd1	Rd8	42	Rh6	Ra3			
3	Ne3	dxe4	23	Rxb8	Kc2	43	Kg2	Ra5			
4	Nxe4	Nf6	24	Bf4	Kc8	44	B5	Ra3			
5	Nf6	exf6	25	Rd5	Rc8	45	g6	Kc7			
6	c3	Bd6	26	b3	Rc8	46	f4	Rd6			
7	Qc2	Qe7+	27	Kf1	a6	47	Rd2	Kc7			
8	Qc1	Bg4	28	b4	Ba7	48	Ra6	Kg7			
9	Ba3	Bxe2	29	Rd7	Bb8	49	Ra5	Rd6			
10	Nxe2	Nd7	30	Bxb8	Kxb8	50	Rg5	Kc7			
11	h3	Nb6	31	f7	Ra8	51	Rh5	Kg6			
12	O-O-O	O-O-O	32	c5	Kc8	52	Rb5	Rf6			
13	c4	Bc7	33	Rd7	g6	53	Kg4	Rd6			
14	Rd1	Kb8	34	g4	h5	54	Rg5	Kf6			
15	Nf4	Qd7	35	a4	hx4	55	f4	Rd4			
16	d5	cxd5	36	hx4	Rd8	56	Rf4	Rd4			
17	Nxe5	Nxd5	37	Rxf7	Rd4	57	Rxg4	Kx4			
18	Rxd5	Qc8	38	Rxf6	Rxb4	58	Kf7	Rg5			
19	Rc5	Qd7	39	RXg6	Bxa4	59	Kg7	f7			
20	Rd1	Bd1+	40	c6	bxc6	60	Kf7	Kf5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Fiona				SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.06.07 Board 7

Group G8
Round 8

WHITE Tao Hongyu				FED da				RESULT (W) 1			
BLACK AP Yzajieva Adelia				FED KGZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bc7	Kf8	41					
2	Nf3	Nc6	22	13d6+	Ne7	42					
3	Bb5	a6	23	12f4	Og8	43					
4	Bb4	Nf6	24	Rf7	Qd7	44					
5	00	Bc7	25	Bf7	Kf7	45					
6	Kc1	00	26	Qh5	Nf6	46					
7	c3	b5	27	Qh7	Nf6	47					
8	13d6 b3	d5	28	Qb7	Rg8	48					
9	ed e6	Nd5	29	Nd2	12ac3	49					
10	Nc5	Nc5	30	Nc8+	Kf5	50					
11	Rc5	c6	31	Qc6	Nc5	51					
12	d3	Bd16	32	Bc5	Re5	52					
13	Re1	Qh4	33	Qc6+	Ng8	53					
14	Q3	Qh3	34	F3+	Nf7	54					
15	Re4	g5	35	Bc7	Kh6	55					
16	Bd5	Bb7	36	Qb6+	Kh7	56					
17	Rh4	Qf5	37	Qf7	1ch8	57					
18	Rh6	Re8	38	Nh6	Rg7	58					
19	Rg6	Kh8	39	h9	b4	59					
20	Ba7	Kg8	40	Og8		60					
SIGNATURE (WHITE) Tao Hongyu				SIGNATURE (BLACK) AP Yzajieva				SIGNATURE (ARBITER) SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.06.07 Board 8

Group G8
Round 8

WHITE Tao Hongyu				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK AP Yzajieva Adelia				FED KGZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kc5	Rf8	41					
2	Kf3	Kc6	22	Cf6	Qh8	42					
3	Cf5	Ag	23	Re7	AF4	43					
4	Cd4	Kf6	24	Qc6	AF4	44					
5	Qd4	Cc4	25	Cf6	Rf8	45					
6	Re1	Qd4	26	Qh5	Kc6	46					
7	Cf3	b5	27	Qh5	Rf8	47					
8	Cb3	g5	28	Qh5	Rf8	48					
9	Qf1	Kd6	29	Rd4	Rf8	49					
10	Kc5	Re5	30	Re4	Rf5	50					
11	Re5	Cb6	31	Rc2	Re5	51					
12	d3	Cb6	32	Cc5	Re5	52					
13	Re1	Qh4	33	Qf6	Rf8	53					
14	Cd3	Qh3	34	R3	Kf8	54					
15	Re4	g5	35	Qc5	Rf8	55					
16	Cd5	Cb7	36	Qf5	Rf8	56					
17	Re4	Qf5	37	Rf8	Rf8	57					
18	Cd6	Ag	38	Rf8	Rf8	58					
19	Rf8	Kh8	39	Rf8	Rf8	59					
20	Rf8	Cc5	40	Rf8	Rf8	60					
SIGNATURE (WHITE) Tao Hongyu				SIGNATURE (BLACK) AP Yzajieva				SIGNATURE (ARBITER) SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23

10:15

Group 68
Round 18

WHITE				BLACK				FED				RESULT (R)			
Lan Jia				Nguyen Duc Huyen MY				CHN				VIE			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Rd4	Rc2	41									
2	c4	d4	22	Qd5	Qd4	42									
3	Mf3	Mx6	23	-Qd5	Nx8	43									
4	ex3	ab	24	Qd1	Ne2	44									
5	Bc4	e6	25	Qe2	Qd1	45									
6	0-0	Te2	26	Ke2	Qd1	46									
7	Nc3	b5	27	Ke1	Bd5	47									
8	Bd3	c5	28	g3	Bc4	48									
9	Bc2	Np1	29	Qc4	Qc1	49									
10	ex4	cd1	30	Ky2	Qc2	50									
11	Nx4	Bb2	31	Kx4	R3	51									
12	R3	a-d	32	g4	xg4	52									
13	Be3	Rd8	33	g4	Qe2	53									
14	Qd2	Bc5	34	g5	Qf3	54									
15	Ne2	Be3	35	Kh4	Ng4	55									
16	Qe3	b4	36			56									
17	ex5	bc3	37			57									
18	ex6	cb2	38			58									
19	fx7	but	39			59									
20	Qx8	Qf8	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Lan Jia				h y				Lin							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.23

10:15

Group 68
Round 18

WHITE				BLACK				FED				RESULT (R)			
Lan Jia				Nguyen Duc Huyen MY				CHN				VIE			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Qd5	Qd7	41									
2	c4	dc4	22	Qd8	Nx8	42									
3	Mf3	Nx6	23	Qd1	Re2	43									
4	ex3	ab	24	Qe2	Qd1	44									
5	Bc4	e6	25	Kf2	Qd4	45									
6	Be1	Nc3	26	Kf1	Qd5	46									
7	b5	Bd3	27	g3	Bc4	47									
8	c5	Bc2	28	Qd4	Qc4	48									
9	ex4	cd4	29	Kg2	Qa2	49									
10	Nx4	Bb7	30	Kp3	f5	50									
11	f3	0-0	31	g4	f94	51									
12	Bd3	Rd8	32	f94	Qf2	52									
13	Qd2	Bc5	33	Qd5	Qf3	53									
14	Nxc2	Be3	34	Kf4	Ng6	54									
15	Qe3	b4	35			55									
16	c5	dc3	36			56									
17	ex6	cb3	37			57									
18	fx7	but	38			58									
19	Qx8	Qf8	39			59									
20	Rd1	Rd2	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Lan Jia				MY				Lin							

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group 608

Round 8

Board 9

WHITE Lin Leyi (CHN) *td 1498				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Yang Peilin				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21			41					
2	Nf3	d6	22			42					
3	e3	e7	23			43					
4	Bd3	Be7	24			44					
5	Bd3	Be7	25			45					
6		Be7	26			46					
7	Nbd2	Nbd7	27			47					
8		O-O	28			48					
9	Nf4	Be7	29			49					
10		Oe2	30			50					
11	f4	Be7	31			51					
12		Be7	32			52					
13	de	de	33			53					
14	de	de	34			54					
15	de	de	35			55					
16	de	de	36			56					
17	de	de	37			57					
18	de	de	38			58					
19	de	de	39			59					
20	de	de	40			60					
SIGNATURE (WHITE) TLLy				SIGNATURE (BLACK) yang.peilin				SIGNATURE (ARBITER) SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/21

Group 68

Round 8

Board 9

WHITE Lin Leyi (GD)				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Yang Peilin				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	90 Nf6	21			41					
2	Nf3	90 d5	22			42					
3	e3	90 e6	23			43					
4	Bd3	90 Be7	24			44					
5	b3	88 O-O	25			45					
6	Bb2	87 b6	26			46					
7	Nbd2	87 Nbd7	27			47					
8	O-O	86 c5	28			48					
9	Ne5	85 Bb7	29			49					
10	Qe2	84 Qe7	30			50					
11	f4	83 Ne4	31			51					
12	Kad1	83 Ne5	32			52					
13	de	82 Qb	33			53					
14	Qf3	82 Nd2	34			54					
15	Re2	82 b5	35			55					
16	Qh3	72 Qb	36			56					
17	Qh6	62 C4	37			57					
18	Rf3	89 f5	38			58					
19	Rg3	53 Rf7	39			59					
20	Be2	44 C3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) TLLy				SIGNATURE (BLACK) yang.peilin				SIGNATURE (ARBITER) SK			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 68
Round 8
Date 11.4
Board 10

WHITE <u>Xue Jingwei</u>				FED				RESULT (W) <u>0</u>			
BLACK <u>SARA</u>				FED				RESULT (B) <u>1</u>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rb6	CC6	41					
2	c4	e6	22	Qc8	Qf3	42					
3	Ec3	A6	23	Re1	QC6	43					
4	g3	dc	24	Rg2	0-0	44					
5	c92	b5	25	Qd1	f6	45					
6	0-0	cb4	26	Qf	Rf6	46					
7	Ax4	kd4	27	Le1	Re4	47					
8	cf4	R9f6	28	Qe2	Rd2	48					
9	Ab	Ab	29	Qd2	Ap6	49					
10	RC3	b4	30	Qe2	Rd5	50					
11	Rb5	Rd5	31	Qb2	Rd4	51					
12	cd2	CC6	32	Rh4	h6	52					
13	RA7	cb4	33	Rp3	cd6	53					
14	Rb6	Rb6	34	Rh4	Rd4	54					
15	e5	pb8	35	Qd	h4	55					
16	Rb5	CC8	36	Qe2	cf4	56					
17	uA8	RAS	37	Qd1	h2	57					
18	RC3	bc	38	Rp4	Qd2	58					
19	bc	ce7	39	Re2	Qp2	59					
20	QC2	Qb4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <u>Xue Jingwei</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>SARA</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>SM</u>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group 68
Round 8
Date 11.4
Board 10

WHITE <u>Xue Jingwei</u>				FED				RESULT (W) <u>0</u>			
BLACK <u>SARA</u>				FED				RESULT (B) <u>1</u>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nb6	Nb6	41					
2	c4	e6	22	Rb6	Rb6	42					
3	Nf3	Ab	23	Ng2	Qf3	43					
4	g3	dc	24	Ng1	Qc6	44					
5	Bg2	b5	25	Ng2	0-0	45					
6	0-0	Rd2	26	Qd1	je	46					
7	Re	Nd7	27	ef	Nb6	47					
8	Qf4	Ngf6	28	Re1	Nc4	48					
9	Ab	Ab	29	Qd2	Nb6	49					
10	Nc3	b4	30	Qd2	Rd6	50					
11	Nb5	Nd5	31	Qd2	Nb5	51					
12	Rb6	Rb6	32	Qb2	Kf7	52					
13	Rd7	Rb7	33	Nh4	Rb6	53					
14	Qf	Nb6	34	Rf4	Rb6	54					
15	Qb	Qb8	35	Nh4	Nf6	55					
16	Nb5	Rb6	36	gf	Rb6	56					
17	Rd8	Nd8	37	Qd2	Bd6	57					
18	Nc3	bc	38	Qd1	Rh2	58					
19	Qe	Qe7	39	Kf1	Bg2	59					
20	Qc2	Qb4	40	Kc2	Qf2	60					
SIGNATURE (WHITE) <u>Xue Jingwei</u>				SIGNATURE (BLACK) <u>SARA</u>				SIGNATURE (ARBITER) <u>SM</u>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
Round
Board

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Himori				AKSHARA . S				SRT				SRT			
FED				FED				RESULT (W)				RESULT (B)			
1				2				3				4			
Nf3				d5				21				dx5			
2				Nf6				22				Bxc5			
3				e6				23				dxc5			
4				Bd6				24				Bb7			
5				O-O				25				Bf6			
6				Nb6				26				Re7			
7				Bb2				27				Rd2			
8				Bb7				28				Qa3			
9				Re1				29				Bd4			
10				Nf5				30				Bg5			
11				e5				31				Be4			
12				Qc1				32				Kh1			
13				Rac8				33				Qc2			
14				Ne4				34				Rd3			
15				f6				35				Bb6			
16				Rf1				36				b5			
17				e5				37				Rd4			
18				fxe5				38				Qx2			
19				fxe5				39				Re2			
20				dxc5				40				Rxe2			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)			
f. us.				f. us.				sn				sn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
Round
Board

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Himori				AKSHARA . S				SRT				SRT			
FED				FED				RESULT (W)				RESULT (B)			
1				2				3				4			
Nf3				d5				21				Red1			
2				Nf6				22				Rd2			
3				e6				23				Bxc4			
4				Bd6				24				Bd9			
5				O-O				25				e4			
6				Nb6				26				Bc3			
7				Bb2				27				Kh1			
8				Bb7				28				Rd3			
9				Re1				29				Rf1			
10				Nf5				30				Rd3			
11				e5				31				Qxc3			
12				Qc1				32				Rf8			
13				Rac8				33				Rxf8			
14				Ne4				34				f6			
15				f6				35				e5			
16				Rf1				36				fxe3			
17				e5				37				fxe3			
18				fxe5				38				Nxe5			
19				fxe5				39				Bxe5			
20				dxc5				40				Bf6			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				SIGNATURE (ARBITER)			
f. us.				f. us.				sn				sn			



SHEN
ZHEN
東區城區

文

Date _____

Group	G8
Round	84
Board	72

(BITE)




SHEN
ZHEN
SHEN

廣文

Date

Group	G8
Round	8
Board	

BITER)
For

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/23

Group C-02
Round 8
Board 13

WHITE Shreyanshi Jain			IND			FED 582			RESULT (W) 1		
BLACK Ch. Veram			KOR			FED 1421			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	e5	21	Rh8 Rd8	Rh8	41					
2	Nf3	Nc6	22	Bf4	Bg6	42					
3	Bc4	Bc5	23	Bc3 Qc3	Qc3	43					
4	O-O	Nf6	24	Rxe8	Rxe8	44					
5	d4	Bx4	25	Nc2	Nx2	45					
6	B5	Nb4	26	Bxc2	Rc4	46					
7	Qd2	d5	27	Rxd7+	Kc7	47					
8	Qx5 (b)	f4	28	C8-Q	Re1	48					
9	Ng5	Qf6	29	Kh2	Qxd3	49					
10	Nxe4	fxe4	30	Bxd3	Kf6	50					
11	Qh5+	Qf6	31	Qg8+ Qd6	Kc6	51					
12	Qxc5	Bh3	32	Qd6	Kf7	52					
13	Qb5	Qxb5	33	Bd6	Ng8	53					
14	Bx8	Bf5	34	Qd8	Rc8	54					
15	Jxc5	h6	35	Qx8		55					
16	Bf4	Q6	36			56					
17	Bf4 Bf4	Q6	37			57					
18	h3	Nb4	38			58					
19	Nc3	b5	39			59					
20	Bh3	d3	40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23-7-26

Group G-2
Round 8
Board 18

WHITE Shreyanshi				BLACK Ch. Veram				
FED 582				FED 1421				
RESULT (W) 1				RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4-e5	e5	21	Rh8-1:12	Rg8h8	41		
2	Nf3-1:30	Nc6	22	g4-h2	Bg6	42		
3	Bc4-1:30	Bc5	23	Qd3-1:19	exd3	43		
4	O-O-1:31	Nf6	24	Ree8-1:19	R-e8	44		
5	d4-e3	exd4	25	Nc2-1:19	Nc2	45		
6	B5-1:31	Nc4	26	Bxc2	Rc4	46		
7	Qe2-1:21	d5	27	Rexd3	Kc7	47		
8	exd6-1:31	f5	28	C8-Q	Re1	48		
9	Ng5-1:31	Qf6	29	Kh2	Bxd3	49		
10	Nxe4-1:30	fxc4	30	Bxd3	Kf6	50		
11	Qh5-1:30	Qg6	31	Qf8	Ke6	51		
12	Qxc5-1:30	Qh3	32	Qd6	Kf7	52		
13	Qg5-1:29	Qg5	33	Bg6	Kg8	53		
14	Bxg6-1:29	Bf5	34	Qd8	R-Rc8	54		
15	dxc7-1:29	h6	35	Qxe7		55		
16	Bf4-1:28	a6	36			56		
17	Re1-1:26	Kd4	37			57		
18	h3-1:24	Nb4	38			58		
19	Nc3-1:23	b5	39			59		
20	Bb3-1:18	d3	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				92				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 68
Round 8
Board 14

WHITE				BLACK				FED				RESULT (P)			
Wu				Guo, Hezi								1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Ne6	Rb6	41									
2	Bf4	Nf6	22	Ne5	Rd8	42									
3	e3	c5	23	Qc1	Qc1	43									
4	h3	Nc6	24	Rc1	Rc8	44									
5	Nf3	cd	25	Ref1	f6	45									
6	Nd4	Nd4	26	Nd7	Rd6	46									
7	ed	Bf3	27	Nc5	Be4	47									
8	c3	e6	28	Re3	e5	48									
9	Be2	Bd6	29	Nf4	tdde	49									
10	Bd6	Qb6	30	Rd1	ed	50									
11	O-O	O-O	31	Rd1	d1c	51									
12	Nd2	Rab8	32	Rd6	cb	52									
13	Nf3	b5	33	Rb4	Rc1	53									
14	q3	q5	34	Kf2	p1=Q	54									
15	Bd3	Ne4	35	Rb1	Rb1	55									
16	Nd2	Nf2	36	Rb6	Rb3	56									
17	Rf2	Bd3	37	Ra6	Rb2	57									
18	Nb3	Bf5	38	Kg3	b4	58									
19	Nq5	Qg3	39	Qb	Rb4	59									
20	Rf3	Qg5	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Wu				Guo, Hezi				Sn							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 68
Round 8
Board 14

WHITE				BLACK				FED				RESULT (P)			
Wu				Guo, Hezi				VIF				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Ne7	Rb6	41									
2	Bf4	Nf6	22	Ne5	Rd8	42									
3	e3	c5	23	Qc1	Qc1	43									
4	bh3	Nc6	24	Rc1	Rd8	44									
5	Nf3	cd	25	Rf1	f6	45									
6	Nd4	Nd4	26	Nd7	Rd6	46									
7	ed	Bf3	27	Nc5	Be4	47									
8	c3	e6	28	Re3	e5	48									
9	Be2	Bd6	29	Ne4	de	49									
10	Bd6	Qd6	30	Re4	ed	50									
11	O-O	O-O	31	Rd1	dc	51									
12	Nd2	Rab8	32	Rd6	cb	52									
13	Nf3	b5	33	Rb4	Rc1	53									
14	a3	a5	34	Kf2	b1=Q	54									
15	Bd3	Ne4	35	Rb1	Rb1	55									
16	Nd2	Nf2	36	Rb6	Rb3	56									
17	Rf2	Bd3	37	Ra6	Rb2	57									
18	Nb3	Bf5	38	Kg3	b4	58									
19	Nq5	Qg3	39	ab	Rb4	59									
20	Rf3	Qg5	40			60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Wu				Guo, Hezi				Sn							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23 Board 45

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
TOD-ERDENE NARANKHAYAR				MGL				PRDYGOR ELIZAVETA				RUS											
RESULT (A)				1/2				RESULT (B)				1/2											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	C4	E5	21	D23	LAS	41	D23	Q6															
2	KC3	KA36	22	Bd2	Q6	42	UC2	UG1															
3	L3	CA4	23	QD2	B6	43	Y4	UC2															
4	d4	ed	24	UC1	UC2	44	Y5	UC2															
5	ed	ed d5	25	UC2	UC2	45	UC2	UC2															
6	Kf5	E6	26	UC4	UC2	46	UC2	UC2															
7	E5	C6	27	UC4	UC2	47	Kf3	UC4															
8	Qb3	Cb3	28	UC2	Cb5	48	Kf3	UC4															
9	Qc3	O-O	29	g4	Cg5	49	Lc3	UC4															
10	Uc2	Qc2	30	Cg5	Qg6	50	g5	h9															
11	O-O	Kd2	31	Qc5	UC2	51	h9	Kd2															
12	Kf5	Eb9	32	Qd5	Bc	52	UC3	UC5															
13	Qc2	Kf5	33	Qc5	Qf7	53	Kf2	UC4															
14	Db	Pe5	34	Qc3	Kf2	54	Kf3	UC5															
15	Uc3	f5	35	Qc5	Qd2	55	Kf4	Q4															
16	Ud1	Qf6	36	B4	Qc5	56	Uc5	Lc3															
17	K3	Qd	37	UC5	Ec2	57	Kf4	C3															
18	Uc2	f4	38	Kf2	Kd6	58	Bc	UC5															
19	Cc4	fb	39	Eb3	UC4	59	Uc4	UC5															
20	Cc3	Ef6	40	h4	UC4	60	Uc3	UC4															
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)															
TODERDENE				LIZZI				JW															

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23 Board 45

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK				WHITE				BLACK											
TOD-ERDENE NARANKHAYAR								MGL								PRDYGOR ELIZAVETA								RUS							
RESULT (A)								1/2								RESULT (B)								1/2							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK								
1	C4	E5	21	RP3	RH6	41	Q3	Q6																							
2	NC3	NH6	22	Q3	QF6	42	RC2	RG4																							
3	E3	BH4	23	QP2	B6	43	RC4	RG4																							
4	d4	ed	24	RC1	RC4	44	fs	RC4																							
5	ed	d5	25	RC1	Bf7	45	fs	KF4																							
6	NQ3	BH6	26	RC1	RC7	46	RC3	RC4																							
7	C5	C6	27	RC5	RH5	47	KF3	RC4																							
8	Q63	BH6	28	RH5	RH5	48	KQ3	RC4																							
9	RC3	D-D	29	Q4	BH6	49	RC3	RC4																							
10	BH2	QF7	30	BH6	QF5	50	Q5	H9																							
11	D-D	NH6	31	RC8	QD6	51	H9	KQ4																							
12	NH6	NH4	32	BH6	NH6	52	RC3	RC5																							
13	RC2	NH5	33	QF5	QF7	53	RC4	RC4																							
14	de	QF5	34	RC3	KF8	54	KF3	RC5																							
15	BH6	f5	35	QF5	QF9	55	KQ4	d4																							
16	RC1	BH6	36	b4	QF5	56	RC3	BH5																							
17	f3	QH4	37	RC5	KF7	57	KF4	C5																							
18	RC3	f4	38	KF2	KH6	58	RC6	RC5																							
19	BH4	f6	39	KH3	RC7	59	RC4	RC5																							
20	BH3	RH6	40	b4	RH7	60	RC3	RC4																							
SIGNATURE (WHITE)								SIGNATURE (BLACK)								SIGNATURE (ARBITER)															
TOD-ERDENE								LIZZI								JW															

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

23/7/26

Group

A08

Round

8

Board

16

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Liu Miaoyan				FED CHN				RESULT (A)				FED IND			
Pragnika Vaka				FED IND				RESULT (B)							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	Qa1	h5	41	Kg2	Bf8	41	Kg2	Bf8	41	Kg2	Bf8	41
2	c4	g6	22	h3	g4	42	Bc8	Be7	42	Bc8	Be7	42	Bc8	Be7	42
3	Nc3	Bg7	23	Ng4	Ng4	43	Kh3	Bd8	43	Kh3	Bd8	43	Kh3	Bd8	43
4	e4	db	24	Qab	gxh3	44	Rb7	Be7	44	Rb7	Be7	44	Rb7	Be7	44
5	Nf3	0-0	25	gxh3	Bh3	45	Kg4	Bd8	45	Kg4	Bd8	45	Kg4	Bd8	45
6	Be2	es	26	Ra1	Qxh6	46	Rf7	Kg6	46	Rf7	Kg6	46	Rf7	Kg6	46
7	0-0	as	27	Bxh6	Bd7	47	Rd7	Kg6	47	Rd7	Kg6	47	Rd7	Kg6	47
8	d5	Nab	28	a7	Ra8	48	Rxd8	Ke7	48	Rxd8	Ke7	48	Rxd8	Ke7	48
9	Be3	Nd7	29	Nb5	Bxb5	49	Ra8	Kf6	49	Ra8	Kf6	49	Ra8	Kf6	49
10	Ne1	Ndc5	30	axb5	Kf8	50	Rh5	Kg7	50	Rh5	Kg7	50	Rh5	Kg7	50
11	Nd3	b6	31	b6	cxb6	51	Kg6	Kh7	51	Kg6	Kh7	51	Kg6	Kh7	51
12	a3	Nxd3	32	Bb6	Ke7	52	Bb5	Kg7	52	Bb5	Kg7	52	Bb5	Kg7	52
13	Bxc5	as	33	Bc6	Rg8	53	Rd7	Kf8	53	Rd7	Kf8	53	Rd7	Kf8	53
14	as	as	34	a8=Q	Rxa8	54	Kg6	Kg8	54	Kg6	Kg8	54	Kg6	Kg8	54
15	Be2	g5	35	Ra8	ch	55	Rd8		55	Rd8		55	Rd8		55
16	b4	axb4	36	Ra4	c3	56			56			56			56
17	axb4	Bd7	37	Rd4	as	57			57			57			57
18	b5	Nc5	38	Bxb5	Kf6	58			58			58			58
19	Rxa8	Qxa8	39	Rxc3	Bf8	59			59			59			59
20	Bxc5	Bxc5	40	Rc7	Be7	60			60			60			60
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
刘妙延				P				T							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

7.23

Group

G8

Round

8

Board

16

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Liu Miaoyan				FED CHN				RESULT (A)				FED IND			
Pragnika Vaka Lakshmi				FED IND				RESULT (B)							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	Nf6	21	Qa1	h5	41	Kg2	Bf8	41	Kg2	Bf8	41	Kg2	Bf8	41
2	c4	g6	22	h3	g4	42	Bc8	Be7	42	Bc8	Be7	42	Bc8	Be7	42
3	Nc3	Bg7	23	Ng4	Ng4	43	Kh3	Bd8	43	Kh3	Bd8	43	Kh3	Bd8	43
4	e4	db	24	Qab	gxh3	44	Rb7	Be7	44	Rb7	Be7	44	Rb7	Be7	44
5	Nf3	0-0	25	gxh3	Bh3	45	Kg4	Bd8	45	Kg4	Bd8	45	Kg4	Bd8	45
6	Be2	e5	26	Ra1	Qxh6	46	Rf7	Kg6	46	Rf7	Kg6	46	Rf7	Kg6	46
7	0-0	a5	27	ba	Bd7	47	Rd7	Kf6	47	Rd7	Kf6	47	Rd7	Kf6	47
8	d5	Nab	28	a7	Ra8	48	Rxd8	Ke7	48	Rxd8	Ke7	48	Rxd8	Ke7	48
9	Be3	Nd7	29	Nb5	Bxb5	49	Ra8	Kf6	49	Ra8	Kf6	49	Ra8	Kf6	49
10	Ne1	Nec5	30	cb	Kf8	50	Kh5	Kg7	50	Kh5	Kg7	50	Kh5	Kg7	50
11	Nd3	b6	31	b6	cb	51	Kg5	Kh7	51	Kg5	Kh7	51	Kg5	Kh7	51
12	a3	Nxd3	32	Bb5	Ke7	52	Bb5	Kg7	52	Bb5	Kg7	52	Bb5	Kg7	52
13	Bxd3	f5	33	Bc6	Rg8	53	Rd7	Kf8	53	Rd7	Kf8	53	Rd7	Kf8	53
14	f3	f4	34	a8=Q	Rxa8	54	Kg6	Kg8	54	Kg6	Kg8	54	Kg6	Kg8	54
15	Bf2	g5	35	Rxa8	c4	55	Ra8		55	Ra8		55	Ra8		55
16	b4	ab	36	Ra4	c3	56			56			56			56
17	ab	Bd7	37	Rd4	b5	57			57			57			57
18	Bb5	Nc5	38	Bxb5	Kf6	58			58			58			58
19	Rxa8	Qxa8	39	Rxc3	Bf8	59			59			59			59
20	Bxc5	bc	40	Rc7	Be7	60			60			60			60
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
刘妙延				P				T							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23

Group 68

Round 8

Board 17

WHITE				FED CHN				RESULT (A) 0.5							
BLACK				FED HKG				RESULT (B) 0.5							
Gong, ziyixuan								Wong, catalina Ade/ide							
#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK	#	WHITE		BLACK				
1	e4		c5	21	B4	Bxd1		41							
2	Nf3		e6	22	Rfd1	Rfd8		42							
3	d4		exd4	23	Rd1	f6		43							
4	N4		f6	24	B25	Rdc8		44							
5	Mc3		B4	25	b4	Rc2		45							
6	B2		nc6	26	Re1	h6		46							
7	Re1		bxc6	27	Rd8	R8		47							
8	B2		d5	28	B8	Kf7		48							
9	exd5		fxd5	29	B25	f5		49							
10	Be4		B6	30	Q4	Ra2		50							
11	B25		Qd5	31	Ra2	Ba2		51							
12	0-0		0-0	32	Bc7	Kf6		52							
13	Q3		B6	33	Q5	a6		53							
14	b3		d4	34	Kf1	Bc4		54							
15	Na4		Bc1	35	Bb5	g3		55							
16	h3		e5	36				56							
17	C3		Qxc3	37				57							
18	Mc3		Be6	38				58							
19	Nb5		Qd7	39				59							
20	N6		Qd6	40				60							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Gong, ziyixuan				CAA				Tm							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/23/24

Group 68

Round 8

Board 17

WHITE				BLACK				
Gong, ziyixuan				Wong, catalina Ade/ide				
CHN				HKG				
RESULT (A) 1/2				RESULT (B) 1/2				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	B4	Bxdl	41		
2	Nf3	e6	22	Rfd1	Rfd8	42		
3	d4	cx4	23	Re1	f6	43		
4	Nxd4	Nf6	24	B4	Rdc8	44		
5	Bc3	B4	25	B4	Ree	45		
6	Bc3	Nc6	26	Re1	b6	46		
7	Nxc6	bxc6	27	Rd8	Rd8	47		
8	Bd3	d5	28	Bd8	Bx5 Kf7	48		
9	exd5	Nxd5	29	Bx5	f5	49		
10	Be4	Qb6	30	Q4	Ra2	50		
11	Bx6	cx45	31	Rx6	Bx42	51		
12	0-0	0-0	32	Bc7	Kf6	52		
13	Q3	B6	33	a5	a6	53		
14	b3	d4	34	Kf1	Bc4+	54		
15	Na4	Qc7	35	Ke1	Bb5	55		
16	h3	e5	36	b3		56		
17	C3	Qxc3	37			57		
18	Nxc3	Be6	38			58		
19	Q4 Nb5	Hx4 Qd7	39			59		
20	Q4 Nb5	Qd6	40			60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Gong, ziyixuan				CAA				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				fm				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 68
Round 8
Board 18

WHITE				BLACK				FED	RESULT (W)
NUPALIYASAFIV				GOLMOVAFAR=Oha					1/2
BLACK				WHITE				FED	RESULT (B)
									1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	C4	E5	21	d3	d5	41			
2	KC3	KF6	22	LB1	KB3	42			
3	g3	KC6	23	QAS	KD4	43			
4	CQ2	CC5	24	g5	LQ8	44			
5	E4	D6	25	g6	F2	45			
6	KE2	CE6	26	F9	LF6	46			
7	d3	CE7	27	B4	AB	47			
8	OO	QJ7	28	AB	CE6	48			
9	KD5	KE7	29	h4	CE8	49			
10	KFG+	gF	30	CH3	g3	50			
11	KPh1	KJ6	31	KPh2	KC6	51			
12	Ch6	LF8	32	PF5		52			
13	F4	CF4	33			53			
14	F5	KE7	34			54			
15	h3	CE2	35			55			
16	QD2	KPh8	36			56			
17	Ph5	KC6	37			57			
18	Ph4	LF8	38			58			
19	Ph4	CE7	39			59			
20	g1	KD4	40			60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
								SM	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 68
Round 8
Board 18

WHITE				BLACK				FED	RESULT (W)
Nuraliia rafim				garmova Iarazona				Uzb	1/2
BLACK				WHITE				FED	RESULT (B)
								Uzb	1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	C4	E5	21	g3	g5	41			
2	KC3	KF6	22	LQ6	KD3	42			
3	g3	KC6	23	Ph5	KD1	43			
4	CQ2	CC5	24	g5	CE8	44			
5	E4	D6	25	g6	F2	45			
6	KE2	CE6	26	F9	LF6	46			
7	d3	O-O	27	b4	g6	47			
8	O-O	Ph7	28	FBQ6	h4	48			
9	KD5	KE7	29	LQ8	Ch3	49			
10	KF6	g4	30	KPh2	KE6	50			
11	KPh1	KQ6	31	KPh2	KE6	51			
12	Ch6	LF8	32	Ph5		52			
13	F4	CF4	33			53			
14	F5	KE7	34			54			
15	h3	CE2	35			55			
16	QD2	KPh8	36			56			
17	Ph5	KC6	37			57			
18	Ph4	LF8	38			58			
19	Ph4	CE7	39			59			
20	g1	KD4	40			60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)	
								SM	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.2

Group 068
Round 8
Board 19

WHITE 吴婉廷 Wu Wanning				FED CHN				RESULT (0)			
BLACK Chernogrudova, Serafima				FED RUS				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Nab	Kf6	41					
2	Nf3	Nc6	22	c4	Kf5	42					
3	Bb5	d6	23	Kf1	Kf4	43					
4	d4	Bd6	24	b4	Rg4	44					
5	Nc3	ab	25	Rd1	h5	45					
6	Bxb6	Bxb6	26	b5	cb	46					
7	de	g6	27	c5	h4	47					
8	ed	ad	28	cb	h3	48					
9	o-o	Bg7	29	g3	Kf3	49					
10	Re1	Nf6	30	c7	Re2	50					
11	e5	Ne4	31	c8=QR	F2	51					
12	Nx04	de	32	ke1	Rh2	52					
13	Qxd8	Rxd8	33	Re3	Kg7	53					
14	Bg5	Rd7	34	Re2	Kg1	54					
15	Bf6	O-O	35	Rd2	Kd2	55					
16	Bxg7	Kxg7	36	g4	g9	56					
17	Ne5	Re1	37	Qc2	h2	57					
18	Nxb6	bc	38	Qf2	h1	58					
19	Nc5	Rf08	39	Kf1	g5	59					
20	Rxe7	Rxe7	40	Qg2	#	60					
SIGNATURE (WHITE) Wu Wanning				SIGNATURE (BLACK) ES				SIGNATURE (ARBITER) Sn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.2

Group 068
Round 8
Board 19

WHITE Wu Wanning				FED				RESULT (0)			
BLACK Chernogrudova, Serafima				FED				RESULT (0)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Kn6	KPF6	41					
2	Kf3	KC6	22	Q4	KPF5	42					
3	cb5	db	23	Kof1	Kpf4	43					
4	d4	Ed7	24	b4	Ne4	44					
5	Kc3	Ab	25	Ng1	h5	45					
6	CC0	CC6	26	b5	Cb	46					
7	de	g6	27	C5	h4	47					
8	ed	ad	28	C6	h3	48					
9	O-O	Cg7	29	g3	Kp gfs	49					
10	Ne1	Kf6	30	C7	Ne2	50					
11	e5	Kf4	31	C8=Q	Nf2+	51					
12	Kf4	de	32	Kp e1	Nh2	52					
13	Qb8	Ad8	33	NC3	Kp g2	53					
14	Cg5	Nb7	34	NC2+	Kp g1	54					
15	Cf6	O-O	35	Nh2	Kp2	55					
16	Cg7	Kp g7	36	g4	KP g1	56					
17	Kt8	Ne7	37	QC2	h2	57					
18	KC6	bc	38	PF2	Kp h1	58					
19	KC5	Ne8	39	PF1	g5	59					
20	Ne7	Ne7	40	Q g2x		60					
SIGNATURE (WHITE) Wu Wanning				SIGNATURE (BLACK) ES				SIGNATURE (ARBITER) Sn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/04 Board 20

11237
Group 63
Round 8

WHITE				BLACK				FED				RESULT (0)			
Lee Xin Feng				LEGEND Stefanova S				SGP				1			
LEGEND				LEGEND				RUC				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Nf3	Ba5	40									
2	a4	e6	22	Bb4	Bb4	42									
3	Ng3	Nf6	23	Ne2	Bb3	43									
4	Bg5	Nd7	24	Qb3	Qd7	44									
5	Nf3	g6	25	Ng3	Rf8	45									
6	Q3	Bd3	26	Qc3	Bb3	46									
7	d4	Bc4	27	es	Rb5	47									
8	Qd3	Nf3	28	Nf3	Nad	48									
9	Ng3	Qd3	29	Qc2	Rd4	49									
10	Ng3	Qd3	30	Qb6	Qd5	50									
11	Ng3	Qd3	31	Ne3	Qb5	51									
12	Ng3	Qd3	32	Qd1	Nf3	52									
13	Ng3	Qd3	33	Qd1	Nf3	53									
14	Ng3	Qd3	34	Qd1	Nf3	54									
15	Ng3	Qd3	35	Qd1	Nf3	55									
16	Ng3	Qd3	36	Qd1	Nf3	56									
17	Ng3	Qd3	37	Qd1	Nf3	57									
18	Ng3	Qd3	38	Qd1	Nf3	58									
19	Ng3	Qd3	39	Qd1	Nf3	59									
20	Ng3	Qd3	40	Qd1	Nf3	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/04 Board 20

11237
Group 63
Round 8

WHITE				BLACK				FED				RESULT (0)			
Lee Xin Feng				LEGEND Stefanova S				RUS				1			
LEGEND				LEGEND				SGP				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Qd3	Nf3	41									
2	c4	e6	22	Qd3	Nf3	42									
3	Ng3	Nf6	23	Qd3	Nf3	43									
4	Cg5	Nd7	24	Qd3	Nf3	44									
5	Nf3	g6	25	Qd3	Nf3	45									
6	Q3	Bd3	26	Qd3	Nf3	46									
7	d4	Bc4	27	Qd3	Nf3	47									
8	Qd3	Nf3	28	Qd3	Nf3	48									
9	Ng3	Qd3	29	Qd3	Nf3	49									
10	Ng3	Qd3	30	Qd3	Nf3	50									
11	Ng3	Qd3	31	Qd3	Nf3	51									
12	Ng3	Qd3	32	Qd3	Nf3	52									
13	Ng3	Qd3	33	Qd3	Nf3	53									
14	Ng3	Qd3	34	Qd3	Nf3	54									
15	Ng3	Qd3	35	Qd3	Nf3	55									
16	Ng3	Qd3	36	Qd3	Nf3	56									
17	Ng3	Qd3	37	Qd3	Nf3	57									
18	Ng3	Qd3	38	Qd3	Nf3	58									
19	Ng3	Qd3	39	Qd3	Nf3	59									
20	Ng3	Qd3	40	Qd3	Nf3	60									
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23 Board 21

WHITE Nguyen xuan thao Han				FED AUS				RESULT (W) 0			
BLACK zhaoyunxi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	Nf6	21	e6	Qc8	41	Rd3	Nc8			
2	Nc3	d5	22	Nd7	f5	42	Rf1	Bf5			
3	e5	Nd7	23	f4	g4	43	Re2	Kg6			
4	Nf3	Nc6	24	h9	f9	44	Rf2	Bd3			
5	d4	Nb6	25	Rf1	Nd4	45	Rf6	cg5			
6	Bd3	g6	26	Rf4	h5	46	Rf2	Re7			
7	Qd1	h6	27	Nd7	Nb6	47	Rd1	h4			
8	Re1	Qd8	28	Bd3	a5	48	Kh2	g3			
9	Bf4	Nb4	29	f6	ef	49	Kh3	gf			
10	Bf4	Bf5	30	Bf6	h4	50	Rf2	Rd2			
11	Bd3	Nd3	31	Qd4	Bf1	51	Rd2	Bd2			
12	ca	h6	32	Qd6	Kh7	52	Nb3	Bc4			
13	h3	g5	33	AK4	h5	53	Nc5	Rd2			
14	Bd2	Qd7	34	Rd4	Bg6	54	Nb7	Nb6			
15	f4	Re1	35	Rd5	Qd8	55	Q5	Nd8			
16	Rd1	Qd3	36	Re1	Rd8	56	a6	Bb1			
17	Qd1	Qd3	37	Qd7	Qd7	57	Na5	Bd3			
18	Qd1	Qd3	38	Qd7	Kd7	58	a7	Bb5			
19	Nc7	Qd7	39	E7	Reg	59	Nb7	Kf4			
20	Nc7	Rd8	40	Re5	Kd8	60	Nh5	Kd4			
SIGNATURE (WHITE) zhan				SIGNATURE (BLACK) zhaoyunxi				SIGNATURE (ARBITER) Fan			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2.17.2026 Board 21

WHITE Nguyen xuan thao Han				FED AUS				RESULT (W) 0			
BLACK zhaoyunxi				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	Nf6	21	e6	Qc8	41	Re7	Nc8			
2	Nc3	d5	22	Nd2	f5	42	Rf1	Bf5			
3	e5	Nd7	23	f4	g4	43	Re2	Kg6			
4	Nf3	Nc6	24	h9	f9	44	Rf2	Bd3			
5	d4	Nb6	25	Rf1	Nd4	45	Rf6	cg5			
6	Bd3	g6	26	Rf4	h5	46	Rf2	Re7			
7	Qd1	h6	27	Nd7	Nb6	47	Rd1	h4			
8	Re1	Qd8	28	Bd3	a5	48	Kh2	g3			
9	Bf4	Nb4	29	f6	ef	49	Kh3	gf			
10	Bf4	Bf5	30	Bf6	h4	50	Rf2	Rd2			
11	Bd3	Nd3	31	Qd4	Bf1	51	Rd2	Bd2			
12	ca	h6	32	Qd6	Kh7	52	Nb3	Bc4			
13	h3	g5	33	AK4	h5	53	Nc5	Rd2			
14	Bd2	Qd7	34	Rd4	Bg6	54	Nb7	Nb6			
15	f4	Re1	35	Rd5	Qd8	55	Q5	Nd8			
16	Rd1	Qd3	36	Re1	Rd8	56	a6	Bb1			
17	Qd1	Qd3	37	Qd7	Qd7	57	Na5	Bd3			
18	Qd1	Qd3	38	Qd7	Kd7	58	a7	Bb5			
19	Nc7	Qd7	39	E7	Reg	59	Nb7	Kf4			
20	Nc7	Rd8	40	Re5	Kd8	60	Nh5	Kd4			
SIGNATURE (WHITE) zhan				SIGNATURE (BLACK) zhaoyunxi				SIGNATURE (ARBITER) Fan			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23 Board 22

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Huang Yujia		Sethumsa, Emthinuli		FED CHN		FED SRI		RESULT (W)		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Qh1	Ke2	41	h4	Kg3			
2	d4	d5	22	Qxf3	Kd2	42	g4	Kh2			
3	exd5	cxd5	23	Qxd3	Kc1	43	f2	c4			
4	Bd3	Nf6	24	Qxd1	Rxd1	44	f1=Q	Kg3			
5	Bf4	d6	25	Ne4	Rxd1	45	Qf3	Kh4			
6	Nf3	Bd6	26	Rxd5	Rh1	46	Kg6	Kg5			
7	Bxd3	Bxd6	27	Rd1	Rxd1	47	Qf5	Kf6			
8	Qxd3	O-O	28	Kxd1	Nxf2	48	Nf5	c5			
9	O-O	Nd2	29	Kc2	h5	49	Qh5				
10	Nc6	Re1	30	Rf1	Ng4	50					
11	Re8	c3	31	Rh1	g6	51					
12	e5	dxe5	32	Rg1	f5	52					
13	dxe5	Nxe5	33	Kd2	Re8	53					
14	Nxe5	Rxe5	34	Re1	Rxe1	54					
15	Rxe5	Qc2	35	Kxe1	h4	55					
16	Rh5	Nf3	36	Kf1	f4	56					
17	Bg4	h3	37	Kf2	g5	57					
18	Bxf3	gxf3	38	Kf3	Kg2	58					
19	Rxf3	Qd1	39	Ne5	Kg2	59					
20	Qh2	Kf1	40	f3	Kf2	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.23 Board 22

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Huang Yujia		Sethumsa, Emthinuli		FED CHN		FED SRI		RESULT (W)		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Kd2	Qxd3	41	C4	f1=Q			
2	d4	d5	22	Kc1	Qxd3	42	kg3	Qf3			
3	exd5	cxd5	23	Rxd3	Ne4	43	Kh4	Ng6			
4	Bd3	Nf6	24	Rxd5	Rh1+	44	Kh5	Qf5			
5	Bf4	e6	25	Rd1	Rxd1	45	Kh6	Nf4			
6	Nf3	Bd6	26	Kxd1	Nxf2+	46	C5	Qh5			
7	Bxd6	Qxd6	27	Kc2	h5	47					
8	O-O	O-O	28	Rf1	Ng4	48					
9	Nbd2	Nc8	29	Rh1	g6	49					
10	Re7	Re8	30	Rg1	f5	50					
11	c3	e5	31	Kd2	Re8	51					
12	dxe5	Nxe5	32	Re1	Rxe1	52					
13	Nxe5	Rxe5	33	Kxe1	h4	53					
14	Qc2	Rh5	34	Kf1	f4	54					
15	Nf3	Bg4	35	Kg2	g5	55					
16	h3	Bxf3	36	Kf3	Nes	56					
17	gxf3	Rxf3	37	Kg2	f3	57					
18	Qd1	Qh2+	38	Kf2	h3	58					
19	Kf1	Qh1+	39	Kg3	g4	59					
20	Ke2	Qxf3	40	Kh2	f2	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group 86

Round 8

Board 23

WHITE Zhang zhi xian				FED CHN				RESULT (P) 1			
BLACK Xu, Lezhi				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	h6	Ne5	41	Re5	Kd7			
2	Nf3	Nb6	22	Rc8	a3	42	Qb6	Rc7			
3	Bb5	g6	23	Qd6	Rc1	43	Qc6	Kd6			
4	Bb6	bc	24	f6	Nd3	44	Re8	f6			
5	O-O	Bg7	25	Rb3	Qd3	45					
6	c3	d5	26	Re8	w	46					
7	ed	ad	27	ae3	e3	47					
8	d4	da	28	dxc5	fxg3	48					
9	Qxd4	Cxd4	29	Bx7	Re7	49					
10	Nf6	Bd4	30	Qc5	Qd7	50					
11	O-O	Qd2	31	Rc8	b4	51					
12	Bf5	Bb6	32	Re8	Qd5	52					
13	Ng4	Bg7	33	Ra5	Qd3	53					
14	kg7	h3	34		Qa7	54					
15	Nf6	Nc3	35	Qc5	Qd7	55					
16	Nf4	Nxe4	36	Rd1	Rc7	56					
17	Bd4	Nf5	37	- Qd4	Qd4	57					
18	e6	Ng4	38	Kh1	Kf6	58					
19	Q3	f3	39	Qd8	Rf7	59					
20	Bd2	Rac1	40	Qb6	Kc7	60					
SIGNATURE (WHITE) Zhang zhi xian				SIGNATURE (BLACK) Xu, Lezhi				SIGNATURE (ARBITER) Sn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group G8

Round 8

Board 23

WHITE Zhong, zhi xian				FED CHN				RESULT (P) 1			
BLACK Xu, Lezhi				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ne5	Rc8	41	Qcb4	Kd8			
2	Nf3	Nc6	22	a3	Qd6	42	Re8	f6			
3	Bb5	g6	23	Rc1	Rc1	43					
4	Bxc6	Bxc6	24	Nd3	Bxd3	44					
5	O-O	Bg7	25	Qxd3	Rces	45					
6	C3	d5	26	Qe3	e5	46					
7	Exd5	Cxd5	27	dxc5	fxe5	47					
8	d4	Cxd4	28	Qxa7	Re7	48					
9	Cxd4	Nf6	29	Qc5	Qd7	49					
10	Bf4	O-O	30	b4	Ra8	50					
11	Qd2	Bf5	31	b5	Ra5	51					
12	Bh6	Ng4	32	Qc3	Qa7	52					
13	Bxg7	Kxg7	33	Qc5	Qb7	53					
14	h3	Nf6	34	Rd1	Re7	54					
15	Nc3	Ne4	35	Qb4	Qb6	55					
16	Nxe4	Bxe4	36	Kh1	Kf6	56					
17	Ne4	e6	37	Qf6	Rf7	57					
18	Ng4	g5	38	Qxh6	Ke7	58					
19	f3	Bf5	39	Rc5	Kd7	59					
20	Re1	h6	40	Qxb6	Rxc3	60					
SIGNATURE (WHITE) Zhong zhi xian				SIGNATURE (BLACK) Xu, Lezhi				SIGNATURE (ARBITER) Sn			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/1/2026 Board 24

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Teerata Kasemsup				FED THA				RESULT (W)				1/2			
Gaijula Nishitha				FED AUS				RESULT (B)				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Bf4	Qd7	41	a3	a7							
2	c4	e6	22	h3	Nxe3	42	Kf4	gxf5							
3	Nc3	Nf6	23	Bxc3	Rc8	43	Kxf5	Qxb3							
4	Cxd5	exd5	24	Qc1	Bxc1	44	Qd3	Kc8							
5	Bg5	Be7	25	Qxc1	Bd6	45	Kf4	Kd6							
6	e3	o-o	26	Bh6	Qc7	46	Kg3	Ke6							
7	Bd3	Bf6	27	Qxc7	Bxc7	47	Kh4	Kf4							
8	Nf3	Nd7	28	h4	Bd6	48	Kxmf	Kf4							
9	o-o	c5	29	g3	Bf8	49	h6	Kf5							
10	Rc1	Rc8	30	Bxf8	Kxh8	50	Kh5	Kf4							
11	Bb1	Q6	31	Kf1	Ke7	51	g6	h7							
12	Qc2	b5	32	Ke2	Kf6	52	Kxg6	Kxf3							
13	Ne5	Q6	33	Kf3	Bf5	53	Kf5	Ke3							
14	Nxd7	Qxd7	34	Bxf3	Kxf3	54	Ke5	Kd3							
15	Qe2	Cxd4	35	g4	Ke6	55	Kxd5	Kd3							
16	Cxd4	b4	36	Kf4	f6	56	Kc5	Kxb3							
17	Nd1	a5	37	f3	Kdc	57	a5	Kc3							
18	Ne3	Rc7	38	Q5	f5	58	Q6	D3							
19	Rxc7	Qxc7	39	Qg3	Kc6	59	Q7	D2							
20	Qf3	Ng4	40	h5	Kb5	60	Q8=Q	D1=Q							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Teerata				Nishitha				Ti							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/1/2026 Board 24

WHITE				BLACK				WHITE				BLACK			
Teerata Kasemsup				FED THA				RESULT (W)				1/2			
Nishitha Gaijula				FED AUS				RESULT (B)				1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	d4	d5	21	Qd7	h3	41	h3	h4							
2	c4	c6	22	Nxe3	Qxe3	42	Kf4	gxf5							
3	Nc3	Nf6	23	Rc8	Rc1	43	Kxc6	axb3							
4	Cxd5	exd5	24	Rxc1	axd1	44	axb3	Kd6							
5	lg5	Be7	25	bd6	Bb6	45	Kf4	Kd6							
6	e3	o-o	26	Qc7	Qe7	46	Kg3	Kd6							
7	Bd3	Be6	27	Lxc7	h4	47	Kf4	Kf3							
8	Nf3	ND7	28	Bd6	g3	48	Kxh5	Kf4							
9	o-o	c5	29	Bf8	hxf8	49	Kh6	Kf5							
10	Rc1	Rc8	30	Kxf8	hxf8	50	Kh5	Kf4							
11	Bb1	ab6	31	Kd1	Ke7	51	g6	h7							
12	Qc2	h5	32	Ke2	Kf6	52	Kxg6	Kf3							
13	Ne5	g6	33	Kf3	Bf5	53	Kf5	Kd3							
14	Qxd7	Qe9	34	Bxf3	Kxf3	54	Ke5	Kd3							
15	Cxd4	exd4	35	g4	Ke6	55	Kxd5	Kd3							
16	h4	ND1	36	Kf4	f6	56	Kc5	Kxb3							
17	a5	Ne3	37	g4	Kd6	57	d5	Kd3							
18	Rc7	Rxc7	38	g5	f5	58	d6	G3							
19	Qxc7	Qf2	39	Kg3	Kd6	59	d7	L2							
20	Ng4	Bf4	40	h5	Kd6	60	d=Q	L=Q							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							
Teerata				Nishitha				Ti							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/23

Group 68
Round 8
Board 25

WHITE				BLACK				RESULT (W)			
Muhd Amirul Izzat, Aisya Azzahra				MAS				1			
BLACK				WHITE				RESULT (B)			
Liu Song mei				CHN				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qe2	Rf2	41					
2	Nf3	Nc6	22	Rh4	Rb3	42					
3	d4	cd	23	Qh7	Kf8	43					
4	Nxd4	g6	24	Qb8	Ke7	44					
5	Nc3	Bg7	25	Rc5	Kd6	45					
6	Be3	Nf4	26	Rxd4	Ke7	46					
7	Bc4	O-O	27	Qe2	Rb2	47					
8	O-O	d6	28	Rd7	Kb6	48					
9	h3	a6	29	Rd4	Qc6	49					
10	Nxc6	bc	30	Rxc6	#	50					
11	Rb8	Rab1	31			51					
12	Rc6	Bb3	32			52					
13	Bxh3	a6	33			53					
14	d5	ed	34			54					
15	cd	Bh6	35			55					
16	Ph6	Qh7	36			56					
17	d4	Rbd1	37			57					
18	e5	Rf2	38			58					
19	Qc7	Ne4	39			59					
20	Nxe4	Rxe4	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Muhd Amirul Izzat				Liu Song mei				Sr			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23/7/26

Group 68
Round 8
Board 25

WHITE				BLACK				RESULT (W)			
Muhd Amirul Izzat, Aisya Azzahra				MAS				1			
BLACK				WHITE				RESULT (B)			
Liu Song mei				CHN				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	RxNe4	Qxc7	41					
2	Nf3	Nc6	22	Rd1	Rf8	42					
3	d4	cx d4	23	Rh4	Rxb3	43					
4	Nxd4	g6	24	Qxh7	Kf8	44					
5	Nc3	Bg7	25	Qh8	Ke7	45					
6	Be3	Nf6	26	Rxe5	Kd6	46					
7	Bc4	O-O	27	Rxd4	Rxc7	47					
8	O-O	d6	28	QxRe8	Rxb2	48					
9	h3	a6	29	Qd7	Kc6	49					
10	NxNc6	bxc6	30	Rd6	Qc6	50					
11	Qd2	Rb8	31	Rxc6	#	51					
12	Rab1	Be6	32			52					
13	Bb3	BxBb3	33			53					
14	axBb3	d5	34			54					
15	exd5	cx d5	35			55					
16	Bb6	BxBb6	36			56					
17	QxBh6	d4	37			57					
18	Rbd1	e5	38			58					
19	Rfe1	Qc7	39			59					
20	Ne4	NxNe4	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Muhd Amirul Izzat				Liu Song mei				Sr			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G8**
Round **6**
Date **10-33**
Board **26**

WHITE Ng. Yan Ning				FED SGP		RESULT (W) 0		
BLACK Lin, Yong-Bian				FED TPE		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Be2	Qxa2	41		
2	Nf3	Nc6	22	Qxh6	c5	42		
3	Bc4	Bc5	23	Rg3	Rg9	43		
4	O-O	Nf6	24	Rf3	Raf8	44		
5	d4	Bxd4	25	Qel	Ba4	45		
6	Nxd4	Nxd4	26	Qxe5	Bxd1	46		
7	Bg5	O-O	27	Qf5	Rg6	47		
8	f4	db	28	Bxd1	Qxd2	48		
9	fxe5	dxe5	29			49		
10	Nd2	Bg4:18	30			50		
11	Qb1	h6	31			51		
12	Bxf6	gxf6	32			52		
13	h3	Bd7	33			53		
14	c3	Nc6	34			54		
15	Qe1	Na5	35			55		
16	Qg3+	Kh7	36			56		
17	Rf3	c6	37			57		
18	Qh4	Qb6	38			58		
19	Kh1	Qxb2	39			59		
20	Rd1	Qc2:14	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) Lin. Yong-Qian			SIGNATURE (ARBITER) Fan		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **G08**
Round **8**
Date **2304**
Board **26**

WHITE Ng Yan Ning				FED SGP		RESULT (W) 0		
BLACK Lin Yong Qian				FED TPE		RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Be2	Oxa2	41		
2	Nf3	nc6	22	Qxf6	c5	42		
3	Bc4	Bc5	23	Rg3	Rg8	43		
4	O-O	Nf6	24	Rf3	Rab8	44		
5	d4	exd4	25	Qc7	Ba4	45		
6	Nxd4	Nxd4	26	Qxg8	Bxd1 Bxd1	46		
7	Bg5	O-O	27	Qxh7	Rg6	47		
8	f4	d6	28	Bxd1	Qxd2	48		
9	fxe5	dxe5	29			49		
10	Nd2	Bg4	30			50		
11	Qb1	h6	31			51		
12	Bxf6	gxf6 gxf6	32			52		
13	h3	Bd7	33			53		
14	c3	Nc6 Nc6	34			54		
15	Qe1 Qe1	Na5 Na5	35			55		
16	Qg3+	Kh7	36			56		
17	Rf3 Rf3	c6	37			57		
18	Qh4 Qh4	Qcb7	38			58		
19	Kh1	Qxb2	39			59		
20	Rd1	Qc2	40			60		
SIGNATURE (WHITE) 				SIGNATURE (BLACK) Lin, Yong - Qian		SIGNATURE (ARBITER) Fan		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23 Jul Board 27

WHITE Alesha				FED 17a				RESULT (A)
BLACK Yathaw				FED nra				RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qxe7	Nxe7	41		
2	Nc3	Nf6	22	Rxe7	Nb6	42		
3	Bf4	Bf5	23	Rxd8	Rxd8	43		
4	f3	e6	24	Rxf7	nc9	44		
5	g4	Bg6	25	Ne6	Rd6	45		
6	h4	h5	26	Rf8+	hd7	46		
7	g5	Nf7	27	Nc5+	Kc6	47		
8	e3	Bc9	28	Nc9	Rd9	48		
9	Qa6	Nc6	29	Rf6+		49		
10	Bd3	Bxd3	30			50		
11	Qxd3	g6	31			51		
12	Ne2	Rf8	32			52		
13	a3	Bd6	33			53		
14	O-O	Bxf9	34			54		
15	Nxf9	Qe7	35			55		
16	Re1	O-O	36			56		
17	e4	dxc9	37			57		
18	Qxe9	Qd6	38			58		
19	d5	exf5	39			59		
20	Rxd5	Qe7	40			60		
SIGNATURE (WHITE) a			SIGNATURE (BLACK) yathaw			SIGNATURE (ARBITER) 7h		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 23 Jul Board 27

WHITE Alesha				FED				RESULT (A)
BLACK Yathaw				FED				RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nxe7	Rxe7	41		
2	Nc3	Nf6	22	Nb6	Rxd8	42		
3	Bf4	Bf5	23	Rxd8	Rf7	43		
4	f3	e6	24	Nc4	Nb6	44		
5	g4	h4	25	Qd6	Rf8+	45		
6	h5	g5	26	Fd7	Nc5+	46		
7	Nd4	e3	27	Kc6	Ne7	47		
8	Fd4	Qd6	28	Rd4		48		
9	Nc6	h5	29			49		
10	Qd3	Qd6	30			50		
11	g6	Nc5	31			51		
12	Rf8	Qd6	32			52		
13	Bf6	O-O	33			53		
14	Bxf9	Nxf9	34			54		
15	Qc7	Rf7	35			55		
16	O-O	g6	36			56		
17	Qf7	Qf7	37			57		
18	Qd6	g5	38			58		
19	exd5	Rf5	39			59		
20	Qd7	axex	40			60		
SIGNATURE (WHITE) a			SIGNATURE (BLACK) yathaw			SIGNATURE (ARBITER) SK		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group 68
Round 8
Date Board 28

WHITE: Alisha Haider
BLACK: Saidamzoda, Oisha

FED: BTK
FED: UK

RESULT (W): 1
RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	g4	e5	21			41		
2	Ne3	Kc6	22			42		
3	c4	cc5	23			43		
4	0-0	d6	24			44		
5	Qd4	d3	25			45		
6	Qf6	Kg5	26			46		
7	Qg6	Kh4	27			47		
8	Qf4	Kf5	28			48		
9	Le6	Kh8	29			49		
10	Kd7	Qf3	30			50		
11	d5	Qg3	31			51		
12	g6	Qg4	32			52		
13	Ke4	Le6	33			53		
14	d6	Qc6	34			54		
15	Le5	0-0	35			55		
16	Kf6	Qf8	36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE): Alisha
SIGNATURE (BLACK): Saidamzoda
SIGNATURE (ARBITER): sn

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group 68
Round 8
Date Board 28

WHITE: Alisha Haider
BLACK: Saidamzoda, Oisha

FED: BTK
FED: UK

RESULT (W): 1
RESULT (B): 0

#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21			41		
2	Nf3	Nf6	22			42		
3	Bc4	Bc5	23			43		
4	0-0	d6	24			44		
5	h3	Qe7	25			45		
6	d3	Qf6	26			46		
7	Ng5	Qf6	27			47		
8	Bxf7	Qxf7	28			48		
9	Nxf7	Be6	29			49		
10	Nxh8	Kd7	30			50		
11	Qf3	d5	31			51		
12	Qd3	Bd6	32			52		
13	Qxg7	Ne7	33			53		
14	Bd5	xe4	34			54		
15	xe4	Bc5	35			55		
16	Rd1	Kc8	36			56		
17	Qf8		37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		

SIGNATURE (WHITE): Alisha
SIGNATURE (BLACK): Saidamzoda
SIGNATURE (ARBITER): sn